

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Điều chỉnh nội dung đầu tư tiêu dự án:
Tăng cường đào tạo kỹ thuật và dạy nghề nông nghiệp
Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ
thuộc Dự án Khoa học công nghệ nông nghiệp.**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ sửa đổi điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/1/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 và số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 2765/QĐ-BNN-KH ngày 21/9/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho phép lập dự án đầu tư tiêu dự án các viện, trường tham gia Dự án Khoa học công nghệ nông nghiệp, vốn vay ADB;

Căn cứ Quyết định số 1823/QĐ-BNN-KH ngày 10/8/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt điều chỉnh kế hoạch tổng thể Dự án khoa học công nghệ nông nghiệp - khoản vay số 2283-VIE (SF) - vốn vay Ngân hàng phát triển Châu Á;

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BNN-TCCB ngày 27/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt điều chỉnh nội dung và tổng mức đầu tư tiêu dự án: Tăng cường đào tạo kỹ thuật và dạy nghề nông nghiệp Trường Cao đẳng Cơ điện và nông nghiệp Nam Bộ;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ tại Tờ trình số 477/TTr- TrCĐCĐ-XD ngày 18/8/2011 về việc xin phê duyệt điều chỉnh nội dung và tổng mức đầu tư tiêu dự án thuộc Dự án khoa học công nghệ nông nghiệp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ tại báo cáo thẩm định số 01/TCCB-TĐ ngày 20/9/2011, Cục trưởng Cục Quản lý Xây dựng công trình và Trưởng ban quản lý các dự án nông nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh nội dung đầu tư tiểu dự án: Tăng cường đào tạo kỹ thuật và dạy nghề nông nghiệp Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ (trước đây là Trường Trung học Cơ điện và Kỹ thuật nông nghiệp Nam Bộ) thuộc Dự án Khoa học công nghệ nông nghiệp - khoản vay 2283-VIE (SF), vay vốn ADB với các nội dung như sau:

1. Tên tiểu dự án: Tăng cường đào tạo kỹ thuật và dạy nghề nông nghiệp Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ

2. Chủ đầu tư: Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ

3. Địa điểm thực hiện dự án: trong khuôn viên Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ - phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

4. Đơn vị tư vấn lập dự án:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn và đầu tư xây dựng Vạn Thành.
- Địa chỉ: phường Long Xuyên, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
- Chủ nhiệm dự án: Kỹ sư xây dựng Nguyễn Trường Tây

5. Mục tiêu đầu tư:

Mục tiêu chung: Tăng cường năng lực đào tạo kỹ thuật và dạy nghề cho các trường kỹ thuật và dạy nghề nông nghiệp tạo nguồn nhân lực tay nghề cao, góp phần vào tăng trưởng kinh tế nông nghiệp và giảm nghèo trong khu vực nông thôn.

Mục tiêu cụ thể: Đầu tư cơ sở vật chất về thư viện, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị cho Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ nhằm tăng cường năng lực đào tạo kỹ thuật và dạy nghề đáp ứng được quy mô, ngành nghề đào tạo và chương trình giảng dạy của nhà trường đạt chất lượng và hiệu quả cao, tạo ra nguồn lao động có kỹ năng cao trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, chế biến nông, thủy sản, cơ khí nông nghiệp các lĩnh vực khác liên quan thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

6. Nội dung đầu tư bổ sung: Bổ sung một số nội dung xây dựng nhà thí nghiệm số 2

- Xây vách ngăn tầng trệt bằng gạch ống, xi măng M75, diện tích 25,56 m².
- Vách khung nhôm kính ngăn phòng tầng 2: 25,56 m²
- Bàn thí nghiệm, chậu rửa: Xây gạch ống, đổ đan bê tông cốt thép, ốp gạch men 24,72 m².
- Tủ đựng dụng cụ thí nghiệm (dưới gầm bàn thí nghiệm): Cửa lùa, khung nhôm kính 8,58 m².
- Bể lọc nước: Đáy bê tông cốt thép M200 dày 100, xây tường gạch thẻ dày 20 cao 1,2 m rộng 1,1 m dài 4,2 m. Bồn chứa nước mái 1000 lít bằng nhựa.

- Sân trước bằng bê tông M200 đá 1x2 dày 0,1 m, diện tích 132,2 m².
- Hệ xây bó bằng gạch thẻ, tôn cát nền, đổ bê tông đá 1x2 mác 200, diện tích 98,8 m²
- Trần mái bằng tấm kim loại

7. Tổng mức đầu tư điều chỉnh:

Tổng mức đầu tư = 18.163.000.000 đồng

(Mười tám tỷ, một trăm sáu mươi ba triệu đồng)

Trong đó

1. Chi phí thiết bị = 14.300.552.000 đồng

2. Chi phí xây lắp = 3.176.246.000 đồng

3. Chi phí quản lý dự án = 410.577.000 đồng

4. Chi phí tư vấn đầu tư = 269.307.000 đồng

5. Chi phí khác = 6.318.000 đồng

6. Chi phí dự phòng = 0 đồng

(Chi tiết tổng mức đầu tư tại phụ lục kèm theo)

8. Nguồn vốn đầu tư:

Vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và vốn đối ứng bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

Cụ thể như sau: Tổng nguồn vốn 18.163.000.000 đồng, trong đó:

| | | |
|---------------------------------|---------------------|--------------------|
| + Vốn vay ADB | 13.458.000.000 đồng | Tương đương 75,00% |
| + Vốn đối ứng (Ngân sách NN) | 4.705.000.000 đồng; | Tương đương 25,00% |

Phần kinh phí điều chỉnh bao gồm:

- Nguồn vốn kết dư của Tiểu dự án: bao gồm kinh phí tiết kiệm trong đấu thầu, kinh phí dự phòng và kinh phí các hạng mục không thực hiện.
- Nguồn kinh phí được bổ sung tăng thêm do chênh lệch tỷ giá USD/VND.

Trong quá trình thực hiện, nếu vốn của Tiểu dự án không đủ, Nhà trường sẽ dùng nguồn vốn khác để bổ sung nhằm đảm bảo thực hiện hoàn thành các hạng

mục nêu trên. Trường hợp có kết dư kinh phí, Trường được phép mua bổ sung số lượng thiết bị theo danh mục được phê duyệt đầu tư bổ sung.

9. Thời gian thực hiện: năm 2011 - 2012.

10. Phương thức thực hiện: Theo các quy định hiện hành.

11. Hình thức quản lý thực hiện dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm:

- Tổ chức quản lý và thực hiện dự án theo các nội dung tại Quyết định điều chỉnh nội dung và tổng mức đầu tư này và các quy định của Nhà nước về quản lý dự án đầu tư và xây dựng công trình.
- Trên cơ sở Quyết định điều chỉnh nội dung đầu tư, chủ đầu tư lập kế hoạch và trình Bộ ra quyết định điều chỉnh kế hoạch đấu thầu tổng thể trước khi triển khai các bước tiếp theo.
- Thuê tư vấn tiến hành lập và thẩm định hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công - dự toán làm căn cứ triển khai các thủ tục tiếp theo.
- Lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đúng quy định, đảm bảo yêu cầu.

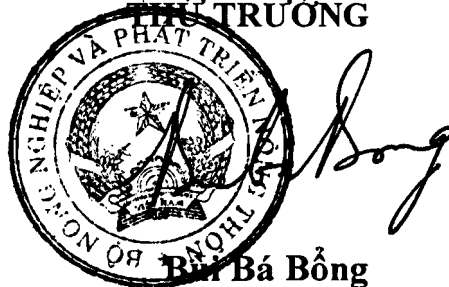
Điều 3. Quyết định này bổ sung cho các Quyết định: Quyết định số 3330/QĐ-BNN-TCCB ngày 29/10/2008 và Quyết định số 156/QĐ-BNN-TCCB ngày 27/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ KH&ĐT;
- Bộ Tài chính;
- Cục QLXD Công trình;
- Vụ TC, KH, KHCN và MT;
- Ban Quản lý các DA Nông nghiệp;
- Lưu: VT, TCCB.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Phụ lục II. Tổng mức đầu tư điều chỉnh
 Tiểu dự án Tăng cường đào tạo kỹ thuật và dạy nghề nông nghiệp
 Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ.
 (Kèm theo Quyết định 2381/QĐ-BNN-TCCB ngày 10 tháng 10 năm 2011
 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

| TT | Hạng mục | Đơn vị | Khối lượng | Đơn giá (1.000 đ) | Thành tiền (1.000 đ) |
|------------|---|----------------|------------|-------------------|----------------------|
| | Tổng mức đầu tư | | | | 18.163.000 |
| I | Thiết bị | | | | 14.300.552 |
| 1 | Thiết bị quản lý trường học | | | | 73.917 |
| 2 | Thiết bị thí nghiệm ngành điện | | | | 2.971.784 |
| 2.1 | Phòng thực tập điều khiển tự động hoá | Phòng | 01 | 1.253.410 | 1.253.410 |
| 2.2 | Phòng thực tập điện tử công suất - truyền động điện | Phòng | 01 | 948.742 | 948.742 |
| 2.3 | Phòng thực tập vi xử lý | Phòng | 01 | 239.263 | 239.263 |
| 2.4 | Phòng thực tập điện - điện tử cơ bản. | Phòng | 01 | 530.370 | 530.370 |
| 3 | Thiết bị chế biến lương thực - thực phẩm | | | | 2.788.236 |
| 3.1 | Thiết bị phòng thí nghiệm hóa sinh | Phòng | 01 | 1.158.696 | 1.158.696 |
| 3.2 | Thiết bị phòng thí nghiệm vi sinh | Phòng | 01 | 409.376 | 409.376 |
| 3.3 | Thiết bị phòng công nghệ thực phẩm | Phòng | 01 | 1.220.164 | 1.220.164 |
| 4 | Thiết bị khu vực thực hành | | | | 8.061.838 |
| 4.1 | Thiết bị thực hành chăn nuôi - thú y | Phòng | 01 | 1.210.258 | 1.210.258 |
| 4.2 | Thiết bị thực hành nuôi trồng thủy sản | Phòng | 01 | 1.005.693 | 1.005.693 |
| 4.3 | Thiết bị thực hành trồng trọt - BVTV | Phòng | 01 | 2.765.148 | 2.765.148 |
| 4.4 | Thiết bị xưởng thực hành Cơ khí và phòng thực tập CAD/CAM - CNC | | | | 3.080.739 |
| 5 | Các nguồn và thư viện | | | | 404.777 |
| II | Xây lắp | | | | 3.176.246 |
| 1 | Xây dựng mới nhà thí nghiệm | m ² | 314,25 | 4.127 | 1.297.000 |
| 2 | Xây dựng mới nhà thí nghiệm số 2 | m ² | 316,20 | 5.943 | 1.879.246 |
| III | Chi phí quản lý dự án đầu tư | | | | 410.577 |
| 1 | Chi phí quản lý tiểu dự án đầu tư | | | | 410.577 |
| IV | Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng | | | | 269.307 |
| 1 | Chi phí lập dự án đầu tư | | | | 72.416 |
| 2 | Chi phí lập hồ sơ thiết kế BVTC, TDT | | | | 100.320 |
| 3 | Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công | | | | 13.549 |
| 4 | Chi phí giám sát thi công | | | | 83.022 |
| V | Chi phí khác | | | | 6.318 |
| 1 | Bảo hiểm công trình | | | | 6.318 |
| VI | Chi phí dự phòng | | | | 0 |